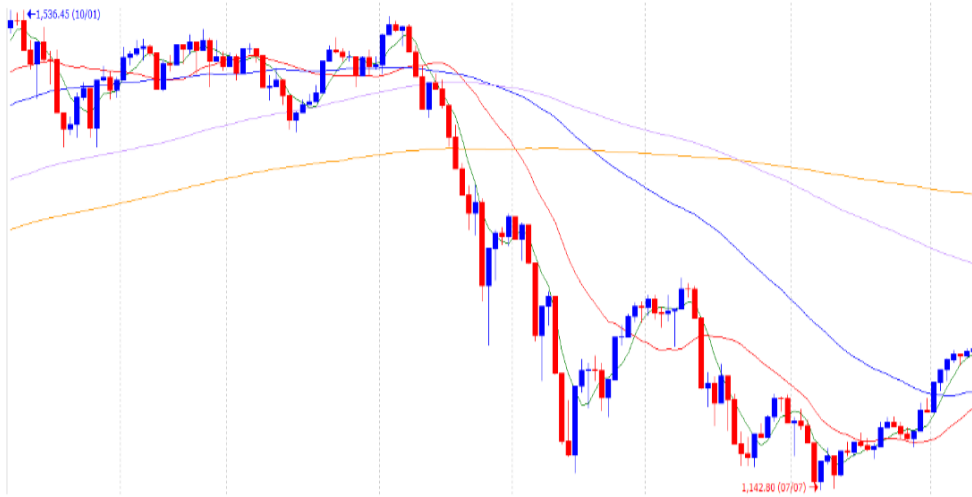


## Vn-Index - 6 tháng



## NHÓM NGÂN HÀNG ĐIỀU CHỈNH, VN-INDEX VẪN TĂNG ĐIỂM

- Vn-Index tiếp tục tăng nhẹ khoảng 2-3 điểm trong hầu hết ngày, dù đã có thời điểm đầu phiên chiều giảm điểm nhẹ
- Nhóm ngân hàng giảm điểm, trong đó giảm mạnh nhất là VCB
- Tuy nhiên, số lượng mã tăng điểm lại lớn hơn số mã giảm điểm khá nhiều
- 1 số cổ phiếu bất động sản tăng khá tốt như SAM LDG
- Nhóm tăng mạnh khác là chứng khoán, dược phẩm, phân bón, và bán lẻ
- Ngược lại, nhóm giảm mạnh nhất là thủy sản và bảo hiểm
- Thanh khoản tăng nhẹ: 20.6% cao hơn trung bình 20 phiên, và 1.3% cao hơn ngày giao dịch liền trước
- Khối ngoại bán ròng, họ mua nhiều HDB SSI, và bán ra nhiều HPG VNM

## Điểm tin hàng ngày

- Chính thức giảm 10% thuế nhập khẩu ưu đãi mặt hàng xăng
- Điều chỉnh giảm mức thuế suất thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xăng động cơ, không pha chì (thuộc mã HS từ 2710.12.21 đến 2710.12.29) từ 20% xuống 10%. Chính phủ đang cho thấy nhiều biện pháp quyết liệt để kiểm chế lạm phát.
- Ngân hàng nào sẽ được nói "room" nhiều nhất trong những tháng cuối năm? Ngân hàng Nhà nước sẽ dựa trên hai cơ sở chính là chất lượng tài sản và quy mô hoạt động để phân bổ hạn mức tăng trưởng tín dụng năm 2022 cho từng ngân hàng. MB, Vietcombank, VietinBank, BIDV và Agribank là những ngân hàng được kỳ vọng sẽ được nói room nhiều nhất

## Giao dịch trong ngày

	Vn-Index	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,258.9	1.4	92.9
Tăng/giảm (+/-)	↑ 2.1	↑ 0.1	↑ 0.5
Tăng/giảm (%)	↑ 0.17%	↑ 0.03%	↑ 0.58%
Khối lượng giao dịch (triệu cp)	655	89	48
Tổng GTGD (tỷ)	14,260	1,659	771
GTGD nđt nước ngoài (tỷ)	-44	-1	3
Cổ phiếu tăng giá	270	122	188
Cổ phiếu giảm giá	193	59	114
Cổ phiếu đứng giá	72	72	58
PE*	13.3	15.5	14.9
PB*	2.1	1.7	2.2
Vốn hóa (ngàn tỷ)*	5,025	353	1,256

\*: Dữ liệu từ ngày giao dịch liền trước

## Mỗi ngày 1 cổ phiếu

### Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Mã: VIB

Giá cổ phiếu hiện tại	26,050
PE hiện tại	8.1
Vốn hóa (tỷ)	55,116

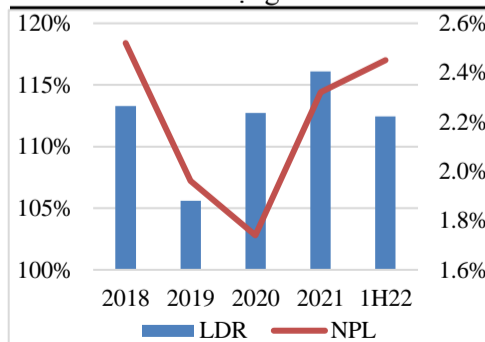
Tỷ VND	2019A	2020A	2021A	2022F	
Doanh thu	8,152	11,216	14,891	16,607	
	yoy	33.9%	37.6%	32.8%	11.5%
LNST	3,266	4,642	6,410	6,722	
	yoy	48.9%	42.1%	38.1%	4.9%
Tỷ suất LNST	40.1%	41.4%	43.0%	40.5%	
EPS	3,441	4,101	4,063	3,189	
P/E	11.2	9.4	9.5	8.2	

Nguồn: FiinPro

## Cập nhật kết quả kinh doanh quý 2: KHẢ QUAN

- Thu nhập lãi thuần tăng 25%, chủ yếu nhờ tín dụng tăng. Cụ thể, tín dụng tăng 3.55% trong quý 2, và tăng 10% trong 6 tháng. Trong khi đó, huy động tăng mạnh hơn ở mức 7.7% trong quý 2, và 13.6% trong 6 tháng. NIM giảm nhẹ 2 bps xuống còn 4.52% do lãi suất huy động có xu hướng tăng nhẹ trong vài tháng qua
- Thu nhập dịch vụ tăng 18.3%: dịch vụ thanh toán tăng 53% yoy, trong khi thu nhập bancassurance giảm 15% yoy
- Chi phí hoạt động tăng 12% yoy: chi phí lương tăng 6.4%, và chi phí khác tăng 22.8%
- Chi phí dự phòng rủi ro tăng 16%. Chất lượng tài sản suy giảm: 1) Tỷ lệ nợ xấu tăng từ 2.32% lên 2.45%, và 2) Số dư nợ nhóm 5 tăng tới 68% (dù tín dụng chỉ tăng 10%)
- Cuối cùng, LNST tăng 27.8%

## Chất lượng tài sản



Nguồn: VIB

## Cơ cấu nợ vay

	1H2022	2021
Nhóm 1	210,054	191,558
Nhóm 2	6,237	5,289
Nhóm 3	1,093	1,747
Nhóm 4	2,125	1,604
Nhóm 5	2,211	1,319
<b>Tổng</b>	<b>221,720</b>	<b>201,517</b>

Nguồn: VIB

**Khuyến cáo:** Báo cáo này không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. Các khuyến nghị trong báo cáo này có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư. Các thông tin, dự báo và khuyến nghị trong bản báo cáo này được dựa trên các nguồn tin cậy, tuy nhiên, NHSV không đảm bảo chắc chắn sự chính xác hoàn toàn và đầy đủ của các nguồn thông tin này. NHSV không chịu trách nhiệm đối với các lỗi, thiếu sót, sai sót, sơ suất, không chính xác trong tài liệu này